

Số: 2222/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng
thông thường trên địa bàn các huyện Mộc Châu và Phù Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp quy định hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 639/TTr-STNMT ngày 18/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn các huyện Mộc Châu và Phù Yên.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện Mộc Châu và Phù Yên tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Điều 1 Quyết định này.

1.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định. ✓

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện Mộc Châu, Phù Yên theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường để triển khai thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Thông tin truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Mộc Châu và Phù Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Sơn La;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT- Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



KẾ HOẠCH

**Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò
đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn
các huyện Mộc Châu và Phù Yên**

(Kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh làm căn cứ pháp lý cho việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật;
- Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu khoáng sản cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tăng cường hiệu quả kinh tế và nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu

- Các mỏ khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không thuộc khu vực đã được UBND tỉnh Sơn La khoanh định vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá quy định tại Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp quy định hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều.

của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật, đấu giá tài sản;

- Tổ chức các phiên đấu giá minh bạch, công khai, liên tục, bình đẳng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

II. Nội dung

1. Số lượng mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 04 mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn các huyện Mộc Châu và Phù Yên, tỉnh Sơn La (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức đấu giá từng mỏ khoáng sản trên nguyên tắc, điều kiện, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 và các quy định của pháp luật có liên quan về đấu tài sản.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024. Cụ thể:

- Quý IV/2023: Hoàn thành hồ sơ đấu giá.

- Quý I/2024: Tổ chức phiên đấu giá.

Trường hợp đến hết quý I/2024 tổ chức đấu giá không thành hoặc chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản các mỏ đã được phê duyệt trong Kế hoạch này, thì được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong quý II, III, IV năm 2024 và các năm tiếp theo.

4. Dự toán kinh phí (khái toán): 370.347.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*). Tối đa không quá 400.000.000 đồng/hợp đồng (*theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính*). Trong đó:

- Chi cho khảo sát lập hồ sơ đấu giá cho 04 mỏ là 80.217.000 đồng (*theo quy định tại Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTC-BTNMT*).

- Chi trả thù lao dịch vụ đấu giá cho 04 cuộc đấu giá là: 282.130.000 đồng (*tạm tính*), cụ thể: (1) cuộc đấu giá mỏ đá bản Tám Ba (*theo quy định tại mục 6 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC*) là 32,45 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm = 93.382.250 đồng; (2) cuộc đấu giá mỏ đá bản Nà Lò 2 (*Theo quy định tại mục 6 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC*) là 32,45 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm = 62.916.125 đồng; (3) cuộc đấu giá mỏ đá bản Ban (*Theo quy định tại mục 6 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC*) là 32,45 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch

giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm = 62.916.125 đồng; (4) cuộc đấu giá mở đá bản Diệt (*Theo quy định tại mục 6 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC*) là 32,45 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm = 62.916.125 đồng.

- Chi đăng tải trên Đài Phát thanh - Truyền hình, báo Sơn La (*theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản*) cho mỗi cuộc đấu giá là 2.000.000 đồng x 04 cuộc = 8.000.000 đồng (*tạm tính*).

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Giao tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023; Sở Tài nguyên và Môi trường phân bổ và giao dự toán tại Quyết định số 565/QĐ-STN&MT ngày 24/12/2022;

- Trường hợp sử dụng kinh phí được giao tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 còn thiếu thì thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số Điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Cơ quan chủ trì chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá (*lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; trình phê duyệt kết quả trúng đấu giá*);

1.2. Chủ trì, phối hợp với các các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện Mộc Châu, Phù Yên xác định giá khởi điểm, bước giá cho các phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, số tiền đặt trước của tổ chức tham gia đấu giá và dự toán Đề án thăm dò khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt.

1.3. Xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật khi xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

1.4. Lập dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài chính thông báo theo quy định về phân cấp quản lý tài chính; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để đơn vị triển khai thực hiện theo quy định hiện hành;

1.5. Lựa chọn và hợp đồng thuê tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện các phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật. ✓

2. Sở Tài chính

2.1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định giá khởi điểm, bước giá cho phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, số tiền đặt trước và dự toán Đề án thăm dò khoáng sản;

2.2. Căn cứ dự toán kinh phí đơn vị lập, thông báo dự toán kinh phí theo quy định về phân cấp quản lý tài chính; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để đơn vị triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các Sở, ngành, cơ quan liên quan và UBND các huyện Mộc Châu và Phù Yên

Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này;

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những vướng mắc các Sở, ngành và UBND các huyện Mộc Châu và Phù Yên kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



Phụ lục
CÁC MỎ ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
CÁC HUYỆN MỘC CHÂU VÀ PHÙ YÊN, TỈNH SON LA

(Kèm theo Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104 ⁰ 00'; múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
1	Mỏ đá vôi tại bản Tám Ba, xã Phiêng Luông	Bản Tám Ba, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2305094.00 2305261.00 2305345.45 2305418.79 2305532.38 2305554.37 2305449.98 2305530.26 2305424.29 2305265.30 2305087.07	577937.00 577817.00 577699.13 577854.18 577784.13 577876.97 577924.83 578054.77 578093.99 578046.13 578072.05	10,16	Mỏ đã được HDND tỉnh Sơn La quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 22/NQ-HDND ngày 10/8/2021
2	Mỏ đá bản Nà Lò 2	Bản Nà Lò 2, xã Huy Hóa, huyện Phù Yên	2348084.36 2348091.00 2348073.00 2347885.00 2347893.22	567340.16 567439.00 567515.00 567511.00 567326.00	3,53	Mỏ đã được HDND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 162/NQ-HDND ngày 05/12/2019

Số TT	Tên mỏ Điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104° 00'; múi chiều 3°		Diện tích (ha)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
3	Mỏ đá bản Ban Bản Ban, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên	2352882.00 2352922.00 2352932.00 2353006.00 2352966.00 2352821.00	570742.00 570772.00 570912.00 570995.00 571088.00 570986.00	3,0	Mỏ đã được HDND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 162/NQ-HDND ngày 05/12/2019
4	Mỏ đá Bản Diệt Bản Diệt, xã Tân Lang, huyện Phù Yên	2350105.42 2350165.73 2350098.10 2350032.16 2350007.50 2349966.97 2349922.51 2349892.00 2349884.68 2349849.02 2349803.61 2349787.49 2349771.38 2349758.18 2349787.00 2349827.54 2349829.98 2349860.73 2349899.33 2349916.67 2349965.74 2350007.75 2350039.00 2350072.22	574495.77 574614.95 574586.61 574581.24 574554.44 574549.07 574537.38 574529.00 574514.33 574511.89 574528.01 574516.29 574531.43 574497.24 574476.24 574468.92 574451.33 574475.75 574437.41 574400.29 574443.52 574467.94 574490.40 574497.24	3,07	Mỏ đã được HDND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 214/NQ-HDND ngày 31/7/2020 Và được điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 22/NQ-HDND ngày 10/8/2021